

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HS-ST
Ngày: 14-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Luân;

Ông K'Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Rung K'Tuấn – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

- Trần Quang N (Trần Quang N1), sinh ngày 13/3/1987 tại: Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T và bà Đặng Thị V; có vợ: Nguyễn Thị T1 và 03 con; tiền án: tại bản án số 02 ngày 15/01/2013, bị Toà án nhân dân huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền sự, nhân thân: không; chức vụ đoàn thể, đảng, phái: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Ngọc Đăng H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân S, sinh năm 1953.

Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hồ Văn H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Ông Hồ Văn H2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Bà Phạm Thị Mỹ H3, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Ông Hồ Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Anh Kim Thanh H4, sinh năm 2004.

Địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến của phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2024, Trần Quang N phát hiện vườn cà phê tại xóm S, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng với diện tích khoảng 05 héc ta, có đường dây điện 500 KV chạy qua, bỏ hoang, không có nhà ở, không có người trông coi, một phần diện tích cà phê bị chết cháy, N không rõ là của ai nên nảy sinh ý định tìm người thu mua củi để bán thân cây cà phê nhằm lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đến giữa tháng 8/2024, trên đường đi làm về thì N gặp một người hàng xóm là Hồ Văn H1, sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên nhờ H1 tìm hộ người thu mua thân cây cà phê để N bán thì Hiệp đồng Ý. Ngày hôm sau, N dẫn H1 đi đến khu vực vườn cà phê mà N có ý định bán thân cây cà phê trước đó để chỉ cho H1 xem. Đây là vườn cà phê của ông Nguyễn Ngọc Đăng H do bà Nguyễn Thị Xuân S, sinh năm 1953, nơi cư trú: thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thuộc xóm S, thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng quản lý. Khi có mặt tại vườn thì N chỉ đặc điểm vườn cà phê cho H1, H1 hỏi lý do tại sao bán cây cà phê thì N cho biết là chủ vườn đã thống nhất với N để cho N phá cà phê, đào đất trồng khoai lang và N báo giá bán thân cây cà phê tại vườn này là 10.000.000 đ rồi cả hai đi về.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày hôm sau, H1 gọi điện thoại báo cho N biết ông Hồ Văn H2, sinh năm 1978, nơi cư trú: xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang nhà ở tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng đồng ý mua thân cây cà phê tại khu vườn mà N đã dẫn H1 đi xem trước đó. Sau đó, N cùng H1 đi đến nhà ông Hồ Văn H2 để thống nhất việc mua bán thân cây cà phê. Tại đây, N và ông H2 thỏa thuận với nhau khi nào ông H2 khai thác xong thân cây cà phê thì ông H2 sẽ trả tiền cho N rồi N, H1 và H2 đi uống rượu tại quán thịt chó ở thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trong lúc uống rượu thì N xin ông H2 ứng trước số tiền là 3.000.000 đ từ việc bán thân cây cà phê thì ông H2 đồng ý. Sau đó ông H2 đi về nhà lấy tiền đưa cho N số tiền là 3.000.000 đ. Khoảng hai ngày sau, N nhờ H1 gọi điện thoại cho ông H2 xin ứng thêm 2.000.000 đ thì ông H2 đồng ý và hẹn đến chiều sẽ có tiền. Đến chiều tối cùng ngày, N cùng H1 đi xe máy đến xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nơi mà ông H2 đang cưa cây để lấy tiền. Khi gần đến nơi thì N dừng lại chờ còn một mình H1 đến gặp ông H2 lấy

số tiền là 2.000.000 đ hộ cho N. Sau khi lấy được tiền thì H1 quay lại chỗ N đứng đợi và đưa cho N số tiền là 2.000.000 đ rồi cả hai cùng ra về.

Vào các ngày 28, 29, 30, 31 tháng 8/2024, ông Hồ Văn H2 và vợ là Phạm Thị Mỹ H3, sinh năm 1981, nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; em rể là Hồ Văn P, sinh năm 1978, nơi cư trú: xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang cùng với con trai là Kim Thanh H4, sinh năm 2004, nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang mang theo ba máy cưa đến khu vực vườn cà phê do N thỏa thuận để cưa hạ thu gom thân cây cà phê. Quá trình khai thác, thu gom cây cà phê thì Hồ Văn H2 cùng Hồ Thanh P1 sử dụng hai máy cưa hiệu Husqvarna 353 để cưa đổ và cắt ngọn các cây cà phê còn Phạm Thị Mỹ H3, Kim Thanh H4 thu gom thân cây cà phê. Đến sáng ngày 30/8/2024, gia đình ông H2 đã thu gom được 06 khối cây cà phê và sử dụng xe máy cày của mình chở về lò than của ông H2 tại tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đến sáng ngày 31/8/2024, trong khi ông H2, bà H3, ông P1, anh H4 đang tiếp tục cưa, thu gom thân cây cà phê thì bà Nguyễn Thị Xuân S phát hiện nên trình báo đến công an xã P đề giải quyết theo quy định. Sau đó cơ quan Công an đã triệu tập các đối tượng về trụ sở làm việc, tại Cơ quan Công an các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ: 02 cưa máy nhãn hiệu Husqvarna 353; 01 cưa máy nhãn hiệu 5200M, màu đỏ; 06m³ thân cây cà phê.

Ngày 01/10/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L có bản kết luận số 70/KLĐG kết luận: 244 cây cà phê, loại Robusta trồng thực sinh đang trong thời kỳ thu hoạch có giá trị là: 55.571.000 đ; 245 cây cà phê, loại Robusta trồng thực sinh đang trong thời kỳ thu hoạch có giá trị là: 55.798.750 đ; khối lượng 1,547 m³ thân cây cà phê loại Robusta đã khô hoàn toàn có giá trị là: 510.510 đ. Tổng giá trị cây cà phê bị thiệt hại là: 111.880.260đ.

Tại bản kết luận giám định số 1287/KL-KTHS ngày 13/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận dấu vân tay trên D chỉ bản số: DC639 do Công an huyện D lập vào ngày 06/8/2012 đối với Trần Quang N1 (bản sao y) về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Quyết định khởi tố bị can số 199 ngày 14/8/2012 của Cơ quan CSĐT Công an huyện D và D, chỉ bản số: 469 do Công an huyện L lập vào ngày 22/10/2024 (bản gốc) đối với bị can Trần Quang N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Quyết định khởi tố bị can số 324 ngày 15/10/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện L là của cùng một người.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Quang N (Trần Quang N1) về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Quang N (Trần Quang N1) từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Ngày 11/02/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 205 bằng hình thức trao trả: 02 cửa máy nhãn hiệu Husqvarna 353; 01 cửa máy nhãn hiệu 5200M, màu đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hồ Văn H2; 06m³ thân cây cà phê cho bà Nguyễn Thị Xuân S nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Xuân S, ông Hồ Văn H2 đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N (N) không trình bày lời tự bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận, nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình có điều kiện nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết định khung hình phạt: Tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động, bị cáo N (N) đã đưa ra thông tin sai sự thật nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội được thực hiện cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 8/2024, bị cáo N (N) đã có hành vi gian dối không đúng sự thật làm cho ông Hồ Văn H2 tin tưởng và mua thân cây cà phê ở vườn cà phê của ông Nguyễn Ngọc Đăng H do bà Nguyễn Thị Xuân S đang quản lý nhằm chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đ. Sau khi mua thân cây cà phê do N (N) bán thì ông Hồ Văn H2 đã thuê người cắt cây cà phê về để làm than gây thiệt hại số tiền là 111.880.260 đ.

Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Quang N (Trần Quang N1) phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án số 02 ngày 15/01/2013 của Toà án nhân dân huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo thành khẩn khai báo tại phiên tòa, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo bị cáo đã từng phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, sống tuân thủ pháp luật mà tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo coi thường pháp luật nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo N (N) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh Hồ Văn H1, quá trình điều tra xác định anh H1 là người được N (N) nhờ giúp tìm kiếm người thu mua thân cây cà phê. Khi giúp N tìm được ông H2 để bán cây cà phê thì anh H1 không biết N (N) đã có hành vi gian dối là tự ý bán cây cà phê tại vườn cà phê thuộc sở hữu của ông H. Mặt khác giữa H1 và N (N) không có sự bàn bạc, thống nhất, chia lợi ích từ việc chiếm đoạt tiền của ông H2. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với anh H1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với việc cưa cây cà phê tại vườn của ông Nguyễn Ngọc Đăng H thì ông Hồ Văn H2, bà Phạm Thị Mỹ H3, ông Hồ Văn P, anh Kim T2 H4 không biết vườn cà phê này thuộc sở hữu của ông H. Bản thân ông H2 là người thu mua thân cây cà phê về đốt than bị N (N) dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền nên không đủ yếu tố để cấu thành tội: “*Hủy hoại tài sản*”. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Ngày 11/02/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 205 bằng hình thức trao trả: 02 cưa máy nhãn hiệu Husqvarna 353; 01 cưa máy nhãn hiệu 5200M, màu đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hồ Văn H2; 06m³ thân cây cà phê cho bà Nguyễn Thị Xuân S nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện cho bị hại - bà Nguyễn Thị Xuân S, ông Hồ Văn H2 đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trần Quang N (Trần Quang N1) phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang N2 (Trần Quang N1) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quang N (Trần Quang N1) phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Bị cáo;
- Lưu HS - BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh